

Số: /QĐ-VHXH

Nam Gia Nghĩa, ngày tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung**  
**ngân sách năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội**

**TRƯỞNG PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI PHƯỜNG NAM GIA NGHĨA**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường Nam Gia Nghĩa, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa, về việc giao dự toán bổ sung thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;*

*Theo đề nghị của bộ phận chuyên môn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung ngân sách nhà nước năm 2026 của phòng Văn hóa – Xã hội:

*(Theo biểu đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng đơn vị, bộ phận kế toán và toàn thể công chức phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT(lq).

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Lê Thị Xuân**

**Đơn vị: Phòng Văn hóa – Xã hội phường Nam Gia Nghĩa**

**Chương: 832**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ- VHXX ngày 09 /02/2026 của phòng Văn hóa – Xã hội)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Triệu đồng*

| Số TT      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                         | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                                                                                                                                                                                | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                               |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                        |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                                                                                                                                          |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                                                                                     |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                                                                                            | <b>603,915600</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                                                                                                                                                | <b>603,915600</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                                                                                                                                    | <b>0</b>          |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                                                                                                                                                       | <b>0</b>          |
| <b>3</b>   | <b>Chi lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề</b>                                                                                                                                                                                 | <b>0</b>          |
| <b>4</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>603,915600</b> |
| <b>4.1</b> | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>                                                                                                                                                                                          | <b>0</b>          |
| <b>4.2</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 371 - nguồn 12)</b>                                                                                                                                                    | <b>558,915600</b> |
| -          | Kinh phí thực hiện chính sách thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn phường theo Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng. | <b>558,915600</b> |
| <b>4.3</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 370 khoản 398- nguồn 12)</b>                                                                                                                                                     | <b>44,6</b>       |
| -          | Kinh phí tổ chức thăm, chúc Tết Nguyên đán Bính Ngọ theo Nghị quyết số 98/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng                                                                                       | 44,6              |
| <b>5</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                                                                                                    |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                                                                                                                                                     |                   |

|     |                                                  |  |
|-----|--------------------------------------------------|--|
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |  |
| 1   | Chi quản lý hành chính                           |  |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |  |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |  |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |  |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                               |  |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                            |  |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |